

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày	36,000 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-16.5%	-19.9%	-21.5%

Hệ số nguy cơ phá sản	8.98
Z - score (sản xuất)	(Aaa)
2023	An toàn

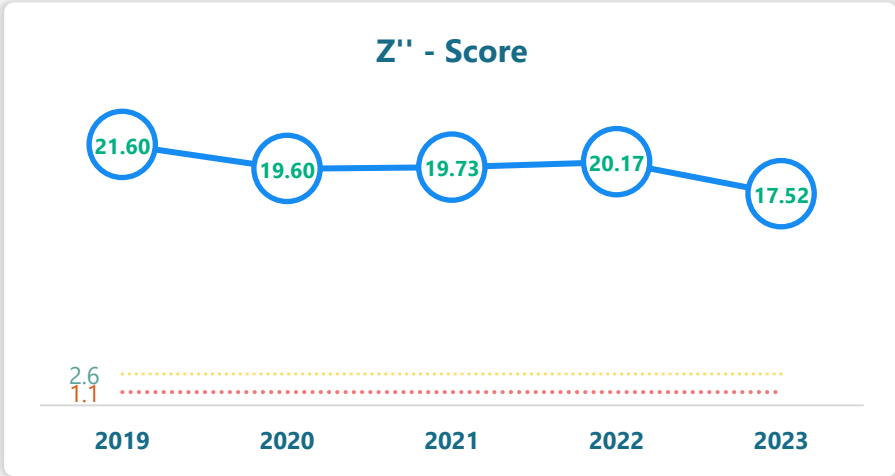
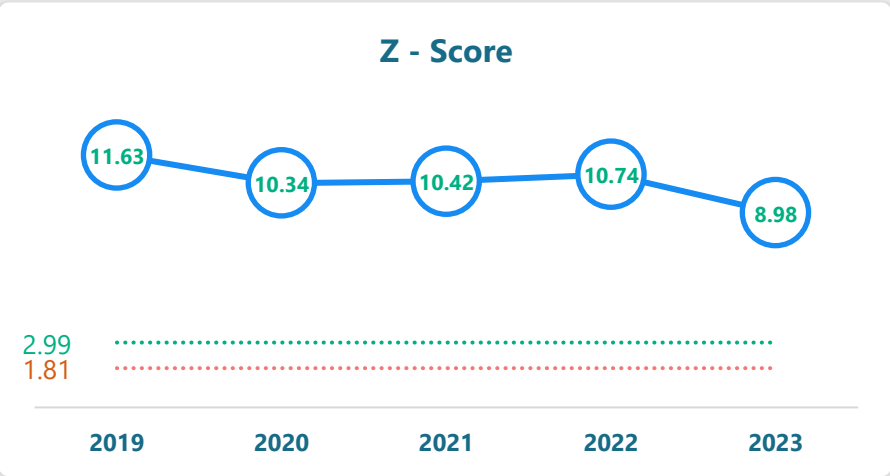
Hệ số nguy cơ phá sản	17.52
Z'' - score (phi sản xuất)	(Aaa)
2023	An toàn

DT thuần	2023	YoY
	176	▼ 25.0
	tỷ VNĐ	▼ 12.6%

LN sau thuế	2023	YoY
	54.9	▲ 1.00
	tỷ VNĐ	▲ 1.7%

ROE	2023	+/- YoY
	28.9%	▲ 0.2%

ROA	2023	+/- YoY
	24.1%	▼ 0.2%



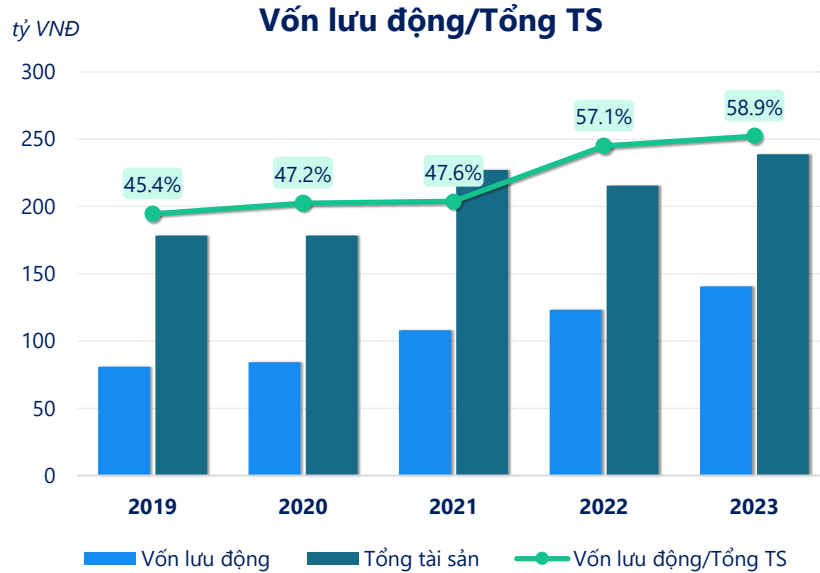
Xét với doanh nghiệp sản xuất: Z-Score của HGM năm 2023 đạt 8.98, thể hiện mức độ rủi ro phá sản rất thấp, điều này cho thấy tình hình tài chính ổn định và có tính dài hạn.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: Z''-Score của HGM năm 2023 đạt 17.52, thấp hơn so với năm 2022 (20.17). Z''-Score > 2.6, cho thấy Doanh nghiệp nằm trong vùng an toàn, chưa có nguy cơ phá sản.

Năm 2023, HGM ghi nhận doanh thu thuần 175.7 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 54.85 tỷ đồng, lần lượt giảm 12.6% và tăng 1.70% so với năm trước.

Mặc dù doanh thu thuần sụt giảm nhưng công ty vẫn đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cùng với ROE đạt 28.9%. Cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty được tối ưu.

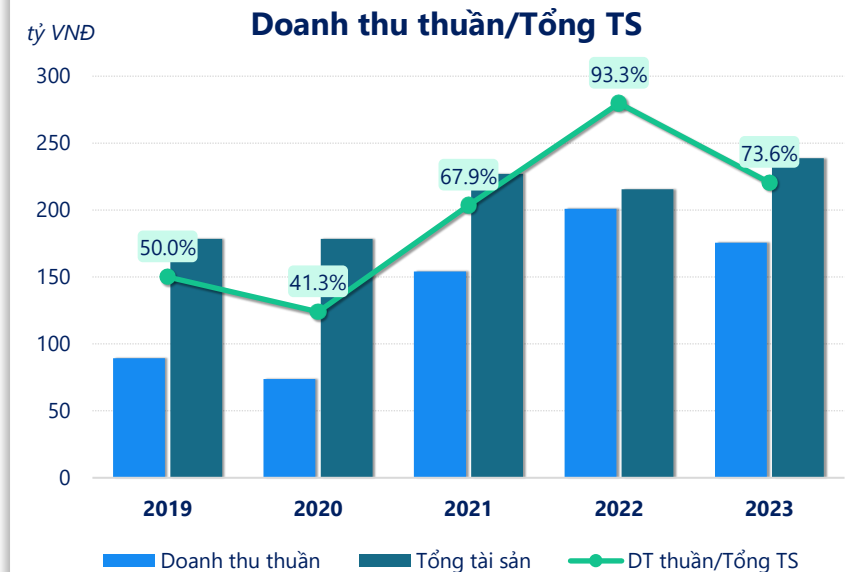
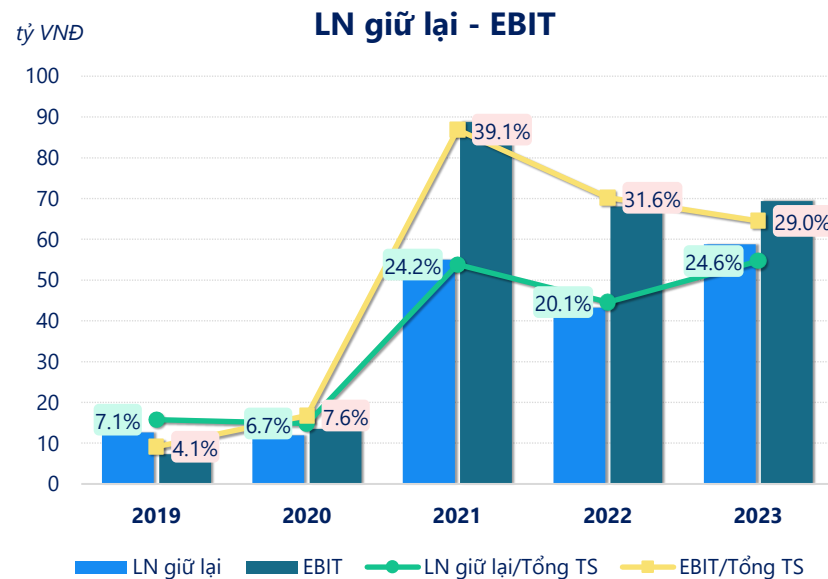
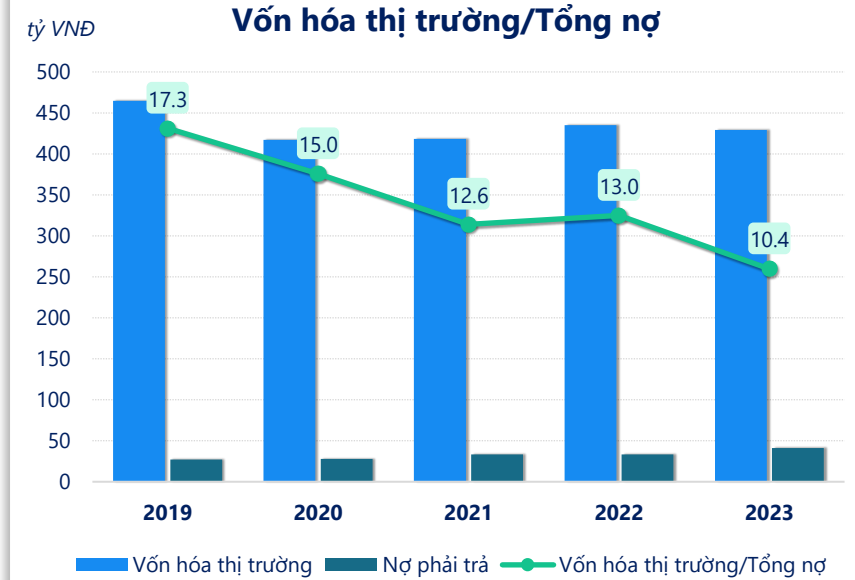
CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (HNX: HGM)



Vốn lưu động > 0 và tăng so với năm trước cho thấy công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn khá tốt. Cần đánh giá thêm về tỷ lệ vốn lưu động/tổng tài sản, nếu tỷ lệ này thấp có thể gợi ý rằng công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn dài hạn để duy trì hoạt động kinh doanh.

Tỷ lệ vốn hóa thị trường so với tổng nợ bằng 10.39 cho thấy công ty đang tạo ra giá trị cho cổ đông vượt qua giá trị nợ phải trả. Tuy nhiên tỷ lệ này giảm so với năm trước có thể do áp lực trả nợ tăng hoặc giá trị thị trường giảm sút.

Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	238	216	10.7%
Tài sản ngắn hạn	169	144	17.7%
Tiền và tương đương tiền	23.1	20.1	14.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	100	69.0	44.9%
Phải thu ngắn hạn	11.1	8.03	38.3%
Hàng tồn kho	34.8	39.6	-12.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.10	6.87	-98.5%
Tài sản dài hạn	69.4	71.8	-3.4%
Phải thu dài hạn	3.16	2.90	8.9%
Tài sản cố định	23.4	17.3	35.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.08	9.75	-88.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	40.4	41.2	-2.0%
Tài sản dài hạn khác	1.38	0.72	91.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	41.2	33.5	23.1%
Nợ ngắn hạn	28.3	20.5	37.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.53	6.16	22.3%
Nợ dài hạn	12.9	13.0	-0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	197	182	8.4%
Vốn chủ sở hữu	197	182	8.4%
Vốn điều lệ	126	126	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	89.2	73.8	154	201	176
Giá vốn hàng bán	61.7	54.5	70.2	76.0	93.5
Lợi nhuận gộp	27.5	19.2	83.9	125	82.1
Doanh thu HĐTC	3.83	2.67	3.05	4.81	7.07
Chi phí TC	11.1	-6.97	-20.8	41.3	1.19
Chi phí lãi vay	0.17	0.00	0.01	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.21	1.47	4.20	4.34	1.72
Chi phí QLDN	11.2	11.6	11.9	14.3	15.4
LN thuần từ HĐKD	7.82	15.8	91.6	69.8	71.0
Lợi nhuận khác	-0.66	-2.35	-2.82	-1.73	-1.61
LN trước thuế	7.16	13.5	88.8	68.1	69.3
Lợi nhuận sau thuế	6.26	11.7	70.4	53.9	54.9
LNST của CĐ cty mẹ	6.26	11.7	70.4	53.9	54.9

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.71	-5.12	67.3	66.4	60.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	54.3	24.8	-44.7	-0.41	-28.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-65.6	-8.54	-22.5	-65.6	-29.8
Tiền đầu kỳ	17.1	7.54	18.7	18.8	20.1
Lưu chuyển tiền thuần	-9.58	11.1	0.20	0.43	2.75
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.07	-0.16	0.92	0.18
Tiền cuối kỳ	7.54	18.7	18.8	20.1	23.1